

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8/2020

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngũ Minh Luận;

Bà Phạm Thị Thu Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 344/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1975, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1979, có mặt.

Cùng nơi thường trú: Số B, khu phố T, phường T, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Ông Nguyễn Văn Th và Bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, huyện (nay là thành phố) A, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 525/2002, quyền số 03 ngày 30/12/2002.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến cuối năm 2015 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường

xuyên cải vã, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Th và bà H đã sống ly thân và không còn sống chung một nhà từ năm 2015 cho đến nay, bà H chỉ về nhà để chăm sóc con xong bà lại đi. Tuy nhiên trong thời gian sống ly thân cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà H vẫn không thay đổi. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Th và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2003 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2013.

Ông Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2003. Ông Th không yêu cầu bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Th đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị Kim H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2013. Ông Nguyễn Văn Th không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 5 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Bà thống nhất về thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung, thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn. Bà cho rằng do giữa bà và ông Th chưa thống nhất được về tài sản chung của vợ chồng nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trường hợp ly hôn, bà đồng ý giao cho ông Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2003. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Bà đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2013. Ông Nguyễn Văn Th không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Nguyễn Thị Kim H vẫn giữ nguyên ý kiến về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn

và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Ông Th được ly hôn với bà Hồng; về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2003 cho ông Nguyễn Văn Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Nguyễn Thị Kim H không cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2013 cho bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Văn Th không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[2] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Nguyễn Thị Kim H nên quan hệ tranh chấp trong vụ án trên là ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bà H có đăng ký thường trú và đang ở tại số B, khu phố T, phường T, thành phố A, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Th và bà H kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 12 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) T, huyện (nay là thành phố) A, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Th vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà H. Bà H cho rằng bà không còn tình cảm với ông Th, hiện nay cuộc sống của ai người đó tự lo nhưng bà không đồng ý ly hôn vì giữa bà và ông Th chưa giải quyết xong phần tài sản chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa ông Th và bà H chính quyền địa phương không nhận thấy mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, ông Th đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà H từ tháng 4 năm 2020 đến nay vợ chồng vẫn không đoàn tụ được, vợ chồng vẫn ly thân từ năm 2015 cho đến nay, như vậy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau. Do đó, việc bà H cho rằng bà không đồng ý ly hôn vì giữa bà và ông Th

chưa giải quyết xong phần tài sản chung là không có căn cứ.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa ông Th và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông Th yêu cầu được ly hôn với bà H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Th và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2003 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2013. Tại phiên toà ông Th và bà H cùng thống nhất ông Th trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thanh Ng, bà H trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Văn T là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng và T tại biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2020 và quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Th, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Th được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2003 cho ông Nguyễn Văn Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2013 cho bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Kim H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0046470 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huệ

